TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/3/2021
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2. Ông Nguyễn Văn Sở.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2020/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2020, về việc: "Ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 85/10, đường HA, phường TK, thành phố T, tỉnh L *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 98D, đường Lưu Văn T, Phường 4, thành phố T, tỉnh L *(Có đơn xin xét xử vắng mặt);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Nguyễn Hoàng T, như sau:

Qua tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 2006 ông và bà Trần Thị Ngọc A tổ chức lễ cưới, sau đó đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường TK, thành phố T, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/11/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có những khác biệt về tính cách, lối sống và không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, giữa vợ ông và gia đình bên chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ những nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cãi, cuộc sống gia đình xáo trộn. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc A.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Trần Hoàng V, sinh ngày 04/11/2011. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Trần Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, bà Trần Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 20/01/2021 có trình bày như sau: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng T về quá trình chung sống. Bà và ông T đã ly thân hơn 02 năm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Trần Hoàng V, sinh ngày 04/11/2011. Khi ly hôn thì bà tôn T ý kiến của hai con, nếu hai con muốn sống với ai thì bà đồng ý theo ý kiến của hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Hoàng T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc A. Do bà Trần Thị Ngọc A đang cư trú tại Phường 4, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Ngọc A chung sống vợ chồng từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký

kết hôn vào ngày 23/11/2006 tại Ủy ban nhân dân phường TK, thành phố T, tỉnh L, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Anh là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ các lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định: Trong đời sống vợ chồng, giữa ông T và bà Anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T và bà Anh đã không còn quan hệ tình cảm với nhau và không còn chung sống từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Ông T có yêu cầu ly hôn, bà Anh cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà Anh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Ngọc A xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Trần Hoàng V, sinh ngày 04/11/2011. Xét, từ khi ông T và bà Anh không còn chung sống với nhau thì ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tại bản tự khai ngày 29/12/2020 của cháu Nguyễn Trần Ngọc H và cháu Nguyễn Trần Hoàng V đều có nguyện vọng muốn sống với cha. Bà Trần Thị Ngọc A cũng đống ý với ý kiến của hai chung. Do đó, để ổn định tình cảm, duy trì việc sinh hoạt hàng ngày của hai cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Trần Ngọc H và cháu Nguyễn Trần Hoàng V cho ông Nguyễn Hoàng T nuôi dưỡng. Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn theo quy định là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hoàng T được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc A.

2/ Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Hoàng T được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc H, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Trần Hoàng V, sinh ngày 04/11/2011. Bà Trần Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn T quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005026, ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Ông Nguyễn Hoàng T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND phường TK
- Các đương sự.
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Phan